

xuǎn cí tián kōng
选词填空

bó zǐ 脖子	lǔ mǎng 鲁莽	shù 竖	diàn zhuì 点缀	féng xì 缝隙	jiān xuǎn 拣选
-------------	---------------	----------	-----------------	---------------	-----------------

1. 哥哥做事 () , 事前从来不深思熟虑, 所以经常误
事。
2. 厨师用胡萝卜雕成的玫瑰花和切片的新鲜水果来 ()
盘子。
3. 今天, 妈妈在榴莲摊子 () 了老半天, 才挑中了两
个榴莲。
4. 大白鹅高傲地昂起它那长长的 () , 大摇大摆地走
着。
5. 不管弟弟在头发上抹了多少头油, 他的头发总是 ()
起来。
6. 雨水从窗口的 () 流进来, 把桌子上的书本都弄湿
了。